

**CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI XÂY DỰNG VÀ ĐẦU TƯ 9X**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI XÂY DỰNG VÀ ĐẦU TƯ 9X

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: 9X TRADING INVESTMENT AND CONSTRUCTION COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: 9X CO.,LTD

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0107578322

**3. Ngày thành lập:** 28/09/2016

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Diềm Xá, Xã Đắc Sở, Huyện Hoài Đức, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0433668615

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                               | Mã ngành |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét                                                                                                                                   | 2392     |
| 2.  | Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao                                                                                                                | 2395     |
| 3.  | In ấn                                                                                                                                                                   | 1811     |
| 4.  | Dịch vụ liên quan đến in                                                                                                                                                | 1812     |
| 5.  | Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp                                                                                                                      | 4719     |
| 6.  | Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                       | 4721     |
| 7.  | Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                        | 4722     |
| 8.  | Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                          | 4723     |
| 9.  | Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                             | 4753     |
| 10. | Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh | 4759     |
| 11. | Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động                                                                                                                        | 5610     |
| 12. | Sản xuất phụ tùng và bộ phận phụ trợ cho xe có động cơ và động cơ xe                                                                                                    | 2930     |
| 13. | Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế                                                                                                                                           | 3100     |
| 14. | Xây dựng nhà các loại                                                                                                                                                   | 4100     |
| 15. | Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ                                                                                                                               | 4210     |
| 16. | Xây dựng công trình công ích                                                                                                                                            | 4220     |
| 17. | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác                                                                                                                              | 4290     |
| 18. | Phá dỡ                                                                                                                                                                  | 4311     |
| 19. | Chuẩn bị mặt bằng                                                                                                                                                       | 4312     |
| 20. | Lắp đặt hệ thống điện                                                                                                                                                   | 4321     |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |             |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 21. | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 4322        |
| 22. | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 4329        |
| 23. | Hoàn thiện công trình xây dựng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 4330        |
| 24. | Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 4390        |
| 25. | Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 4530        |
| 26. | Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 4641        |
| 27. | Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 4652        |
| 28. | Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 8230        |
| 29. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh;                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 8299        |
| 30. | Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan<br>Chi tiết:<br>Thiết kế kiến trúc công trình;<br>Thiết kế nội ngoại thất công trình<br>Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp<br>Lĩnh vực chuyên môn giám sát: xây dựng và hoàn thiện<br>Lập dự án đầu tư xây dựng công trình<br>Tư vấn quản lý dự án                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 7110        |
| 31. | Quảng cáo<br>Chi tiết:<br>Quảng cáo và các dịch vụ liên quan đến quảng cáo<br>Sản xuất , mua bán , cho thuê, tạo mẫu, trang trí, gia công, lắp đặt dàn dựng , kẻ vẽ pano, apphic, logo, catalog, biển hiệu, biển báo giao thông, các loại bảng biển quảng cáo tấm lớn ngoài trời trên mọi chất liệu và kích cỡ<br>Quảng cáo thương mại, quảng cáo trên báo chí, phát thanh , truyền hình và các phương tiện thông tin đại chúng;<br>Tư vấn, chế tạo, thi công Sản xuất , mua bán, lắp đặt các sản phẩm nội ngoại thất, biển bảng quảng cáo (không bao gồm dịch vụ thiết kế công trình) , in ấn<br>Kẻ biển hiệu quảng cáo | 7310(Chính) |
| 32. | Hoạt động thiết kế chuyên dụng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 7410        |
| 33. | Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 7490        |
| 34. | Điều hành tua du lịch                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 7912        |
| 35. | Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 7920        |

**6. Vốn điều lệ:** 9.000.000.000 VNĐ

**7. Danh sách thành viên góp vốn:**

| STT | Tên thành viên      | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Giá trị vốn góp (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số CMND (hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác) đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|---------------------|--------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | PHAN XUÂN THẮNG     | Thôn Tiên Long, Xã Sơn Trung, Huyện Hương Sơn, Tỉnh Hà Tĩnh, Việt Nam                | 1.500.000.000         | 16,600    | 183491885                                                                                                                                         |         |
| 2   | NGUYỄN THỊ XUÂN VÂN | Cụm 8, Thị Trấn Phúc Thọ, Huyện Phúc Thọ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam                 | 4.000.000.000         | 44,400    | 111855686                                                                                                                                         |         |
| 3   | NGUYỄN VĂN THÁI     | Thôn 5, Xã Yên Sở, Huyện Hoài Đức, Thành phố Hà Nội, Việt Nam                        | 3.500.000.000         | 39,000    | 0010980013089                                                                                                                                     |         |

## 8. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: NGUYỄN THỊ XUÂN VÂN

Giới tính: Nữ

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 07/05/1977

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 111855686

Ngày cấp: 24/05/2002

Nơi cấp: Công an thành phố Hà Nội

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Cụm 8, Thị Trấn Phúc Thọ, Huyện Phúc Thọ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Cụm 8, Thị Trấn Phúc Thọ, Huyện Phúc Thọ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội